TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Minh;

2. Ông Phạm Tuấn Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Văn N chung sống với nhau từ năm 2010. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà H thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà H và ông N có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim V, sinh ngày 01/10/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông Trần Văn N): Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến cho Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn. Quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn là ông Trần

Văn N có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2010. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 125 ngày 31/12/2010. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được, thực tế nguyên đơn không còn chung sống cùng bị đơn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn từ chối đến Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên đơn. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim V, sinh ngày 01/10/2012, khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xem xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu V giới tính nữ, đồng thời cháu V có nguyện vọng được sống với mẹ, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Như vậy, việc giao con chung Trần Ngọc Kim V cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được sự phát triển tốt nhất cho cháu. Yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Trần Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thi Thu H được ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Kim V, sinh ngày 01/10/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số

AA/2021/0011683 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

III. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Nguyễn Minh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung **Đinh Quang Minh** **Ngô Nguyễn Minh Sơn**